

Đồng Xoài, ngày 22 tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

V/v: Yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Ngô Ngọc Linh.
- Thư ký phiên họp: Ông Bùi Hoàng Long – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Thuỷ Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 05/2025/TLST-VDS, ngày 19 tháng 3 năm 2025; về việc: “*Yêu cầu huỷ việc kết hôn trái pháp luật*”; theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 02/2025/QĐST-VDS ngày 14 tháng 4 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Lê Triều D, sinh năm: 1975; Địa chỉ nơi cư trú: khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt, có đơn xin vắng).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1978; Địa chỉ nơi cư trú: khu phố T, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt, có đơn xin vắng).

2. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1979; Địa chỉ nơi cư trú: khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt, có đơn xin vắng).

3. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước. Đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: Bà Cao Thị N1 – Chức vụ: Công chức Tư pháp – Hộ tịch Ủy ban nhân dân phường T; Địa chỉ: Khu phố A, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt, có đơn xin vắng).

4. Chị Lê Thị Minh T, sinh năm: 2001; Địa chỉ nơi cư trú: khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt, có đơn xin vắng).

5. Anh Lê Minh T1, sinh năm: 2006; Địa chỉ nơi cư trú: khu phố P, phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước (vắng mặt, có đơn xin vắng).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và các lời khai trong quá trình giải quyết việc dân của người yêu cầu ông Lê Triều D trình bày:

Ông Lê Triều D và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1979, tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000. Do bà M bị mất giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân) nên bà M có lấy Chứng minh thư nhân dân của chị gái ruột là bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1978 để đăng ký kết hôn với ông Lê Triều D tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 44/2000, quyền số: 01 ngày 13 tháng 12 năm 2000. Ông D và bà M chung sống với nhau từ năm 2000 cho đến nay (không có chung sống với bà Nguyễn Thị N), đã có 02 con chung là Lê Thị Minh T, sinh năm: 2001 và Lê Minh T1, sinh năm: 2006.

Theo giấy kết hôn thì vợ ông D là bà Nguyễn Thị N nhưng thực tế chung sống, kết hôn là bà Nguyễn Thị M. Các con của ông D và bà M sinh ra đều có tên mẹ là Nguyễn Thị N. Việc mượn chứng minh thư của bà N để đăng ký kết hôn ảnh hưởng rất lớn đến cuộc sống của gia đình ông D. Vợ ông D là bà M đã làm lại các giấy tờ tùy thân và cũng mong muốn huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa ông D và bà Nguyễn Thị N để làm lại giấy tờ tùy thân cho các con chung và đi đăng ký kết hôn với ông Lê Triều D.

Nay Ông Lê Triều D yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài Huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Lê Triều D, sinh năm: 1975 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1978, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 44/2000, quyền số: 01, do Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước cấp ngày 13 tháng 12 năm 2000.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Triều D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản lời khai ngày 14 tháng 4 năm 2025, đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ bà Cao Thị N1 trình bày: Hồ sơ lưu trữ của phường đối với hồ sơ đăng ký kết hôn số: 44/2000, quyền số: 01 ngày 13 tháng 12 năm 2000 gồm có tờ khai đăng ký kết hôn, giấy giới thiệu của cơ quan bà Nguyễn Thị N và giấy giới thiệu của cơ quan ông Lê Triều D về phường T để đăng ký kết hôn. Đối chiếu với quy định của pháp luật tại thời điểm đăng ký kết hôn của ông Lê Triều D và bà Nguyễn Thị N thì Ủy ban nhân dân phường đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tại điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 và Điều 23 của Nghị định 83/1998. Việc bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1978 đổi tên thành bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1979 khi nào phường không biết.

Quan điểm của Ủy ban nhân dân phường T là Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết yêu cầu của ông Lê Triều D.

Tại bản lời khai ngày 28 tháng 3 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà M và ông Lê Triều D, sinh năm: 1975, tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000. Do bà M bị mất giấy tờ tùy thân (chứng minh nhân dân) nên bà M có lấy Chứng minh thư nhân dân của chị gái ruột là bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1978 để đăng ký kết hôn với ông Lê Triều D tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn

số: 44/2000, quyền số: 01 ngày 13 tháng 12 năm 2000. Bà M và ông D chung sống với nhau từ năm 2000 cho đến nay (ông D không có chung sống với bà Nguyễn Thị N), đã có 02 con chung là Lê Thị Minh T, sinh năm: 2001 và Lê Minh T1, sinh năm: 2006.

Nay ông D yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Đồng Xoài Huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Nguyễn Triều D1, sinh năm: 1975 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1978, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 44/2000, quyền số: 01, do Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước cấp ngày 13 tháng 12 năm 2000 thì bà M đồng ý. Bà M đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của ông Lê Triều D.

Tại bản lời khai ngày 28 tháng 3 năm 2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà N là chị ruột của bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1979. Năm 2000 bà M có mượn giấy tờ của bà N để đăng ký kết hôn với ông Lê Triều D tại Ủy ban nhân dân phường T. Thực tế bà M chung sống với ông D từ năm 2000 đến nay, có 02 con là cháu T, sinh năm: 2001 và cháu T1, sinh năm: 2006. Ông D yêu cầu Toà án nhân dân thành phố Đồng Xoài Huỷ việc kết hôn trái pháp luật thì bà N đồng ý và đề nghị Toà án chấp nhận yêu cầu của ông D.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài tại phiên họp:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Vụ việc không có vi phạm về thủ tục tố tụng.

- Về quan điểm giải quyết vụ việc: Yêu cầu của ông Lê Triều D là có căn cứ, đề nghị Thẩm phán chấp nhận yêu cầu của ông D, Huỷ việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Lê Triều D, sinh năm: 1975 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1978, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 44/2000, quyền số: 01, do Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước cấp ngày 13 tháng 12 năm 2000.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài nhận định:

[1] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Đây là yêu cầu về hủy kết hôn trái pháp luật do việc đăng ký kết hôn được thực hiện tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Xoài theo quy định tại khoản 1 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên họp, người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt và có đơn xin vắng mặt hợp lệ. Tòa án tiến hành mở phiên họp là đúng theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu hủy kết hôn trái pháp Luật: Ông Lê Triều D, sinh năm: 1975 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1979 đăng ký kết hôn ngày 13 tháng 12 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước trên cơ sở tự nguyện. Tuy nhiên bà Nguyễn Thị M đã sử dụng giấy tờ của bà Nguyễn Thị N, sinh năm:

1978, để đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của pháp luật về hôn nhân gia đình. Thực tế ông D và bà M chung sống với nhau từ năm 2000 cho đến nay (không có chung sống với bà Nguyễn Thị N), đã có 02 con chung là Lê Thị Minh T, sinh năm: 2001 và Lê Minh T1, sinh năm: 2006.

Căn cứ theo Điều 5, 6, 7, 8, 9 của Luật hôn nhân gia đình năm 1986; khoản 2, 3 Điều 2, khoản 1 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp; điểm a khoản 2 Điều 38 Nghị định 82/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ, cần chấp nhận yêu cầu của ông Lê Triều D về việc hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông D và bà N theo giấy chứng nhận kết hôn số: 44/2000, quyền số: 01 ngày 13 tháng 12 năm 2000.

[3] Về hậu quả pháp lý của việc kết hôn trái pháp luật. Do việc kết hôn giữa ông D và bà N không tồn tại trên thực tế, không phát sinh quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung nên không xem xét, giải quyết.

Kiến nghị Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp Luật giữa ông Lê Triều D và bà Nguyễn Thị N theo quy định của pháp Luật.

[4] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đồng Xoài về nội dung vụ việc là có căn cứ, được chấp nhận.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Lê Triều D đã có đơn xin miễn giảm tiền lệ phí, không phải chịu lệ phí việc dân sự theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 và Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 29, 35, 39, 149, 362, 366, 367, 369, 370, 371 và Điều 372 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 5, 6, 7, 8, 9 của Luật hôn nhân gia đình năm 1986;

Căn cứ vào các Điều 35, 38, 57 của Bộ luật dân sự năm 1995;

Căn cứ vào Điều 2, Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016.

Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông Lê Triều D. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông Lê Triều D, sinh năm: 1975 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1978, theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 44/2000, quyền số: 01, do Ủy ban nhân dân phường T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước cấp ngày 13 tháng 12 năm 2000.

2. Kiến nghị Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp Luật giữa ông Lê Triều D và bà Nguyễn Thị N theo quy định của pháp Luật.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND TP Đồng Xoài;
- Chi cục THADS TP Đồng Xoài;
- Các đương sự;
- Lưu HSVV-VP.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Ngô Ngọc Linh